

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002160

Môn học: Quản trị rủi ro (226031) - Nhóm 02

Đợt thi: HK2, ĐỢT 2

Tổ: 001

Ngày thi: 28/06/2022

Giờ: 12:30

Phòng thi: D6-32

C. Tỉnh

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Võ Thành Kiệt

Nguyễn Thị Hồng Nhung

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	2120120141	DƯƠNG TRƯỜNG AN	24/08/2001	CCQ2012E		1		5.7	4.5	5.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120120523	NGUYỄN MINH CHIẾN	19/12/2002	CCQ2012P		1		5.7	2	3.5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120200003	ĐỖ THỊ THANH DUNG	25/02/2000	CCQ2020A		1		8.4	5	6.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120110325	NGUYỄN KHƯƠNG DUY	22/01/2002	CCQ2012I		1		6.0	4	4.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120120181	NGUYỄN THỊ BÍCH DUYÊN	30/10/2002	CCQ2012F							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120120525	TRẦN THỊ MỸ DUYÊN	08/06/2002	CCQ2012P		1		5.7	4	4.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120110182	LÊ TIẾN ĐẠT	23/09/2002	CCQ2012O		1		5.3	1	2.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120120183	TRẦN NHẬT ĐOÀN	12/01/2002	CCQ2012F		1		7.3	8	7.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121120262	HUỲNH TRUNG ĐỨC	08/02/2003	CCQ2112H		1		5.3	3	3.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120120184	CAO HẢI	11/10/2002	CCQ2012F							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120120185	DƯƠNG TIỂU HỒNG	26/06/2002	CCQ2012F		1		7.3	4	5.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120120289	GIANG TRUNG KIÊN	29/09/2001	CCQ2012I							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120120290	NGUYỄN TUẤN KIẾT	02/12/2002	CCQ2012I							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120120291	ĐẶNG THANH LIÊM	20/12/2002	CCQ2012I							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120120190	ĐỖ THỊ KIM LỊNH	30/12/2002	CCQ2012F		1		8.3	6	6.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120200011	DƯƠNG HOÀI LONG	21/03/2000	CCQ2020A		1		7.8	5	6.1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120200281	NGUYỄN BÁ LỢI	12/06/2002	CCQ2020A		1		7.0	4	5.2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120120191	HOÀNG THỊ HƯƠNG LY	16/03/2002	CCQ2012F				5.0			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120200044	LÊ ĐỨC LY	25/09/2002	CCQ2020B				6.7			0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120200352	NGÔ THỊ THẢO LY	12/02/2002	CCQ2020J		1		8.0	6	6.8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 002160

Môn học: **Quản trị rủi ro (226031) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **28/06/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **D6-32**

Số SV có mặt: **29**

Số bài thi: **29**

Số tờ giấy thi: **29**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.
Võ Thành Kiệt	Ngô Phú Hùng	Đinh Tuấn Cường

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H. Phi	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
21	2119260296	PHẠM BẢO NGỌC	23/07/2001	CCQ1926H				5.0			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120270227	PHAN HOÀI NHÂN	19/02/2002	CCQ2027G		1	Nhân	6.5	4	5.0	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120200158	LÊ THỊ NHỚ	13/10/2002	CCQ2020E		1	Nhớ	8.4	5	6.3	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120260281	TRẦN THỊ CẨM NUNG	01/06/2002	CCQ2026B							● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120200051	NGUYỄN HỮU PHÚ	26/12/2002	CCQ2020B		1	Hu	7.1	5	5.9	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120120167	PHẠM NGUYỄN CHÍ PHÚC	24/11/2002	CCQ2012E				5.7			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120260063	PHAN PHƯỚC THÀNH	01/02/2000	CCQ2026B		1	Phu	6.5	3	4.4	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120200129	NGUYỄN ĐIỀU THẢO	28/02/2002	CCQ2020D		1	Thao	7.3	5.5	6.2	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120260025	VÕ THỊ THẨM	11/07/2002	CCQ2026A		1	Tham	7.7	2	4.3	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	2120260026	LÊ THỊ THƠ	10/03/2002	CCQ2026A		1	Thi	8.3	3	5.1	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	2120120171	LÊ THỊ THÙY	02/05/2002	CCQ2012E		1	Thuy	7.7	3.2	5.0	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	2120120305	LÊ THÁI ANH	21/05/2002	CCQ2012I		1	Thue	7.3	5	5.9	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	2120120309	BÙI THỊ VĨNH	10/01/2002	CCQ2012I		1	Thi	7.3	6	6.5	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	2120120203	TRẦN NGỌC MỸ	29/04/2002	CCQ2012F		1	Minh	7.3	7.5	7.4	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	2120120173	PHẠM GIA TRƯỜNG	23/09/2001	CCQ2012E		1	Trang	5.7	4	4.7	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	2120100341	TRƯƠNG THỊ CẨM TÚ	29/04/2002	CCQ2012I		1	Thu	8.0	3	5.0	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	2120120174	TRƯƠNG THỊ LỆ	01/05/2002	CCQ2012E		1	Le	8.0	2.5	4.7	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	2120120545	TRẦN TRUNG	04/12/2002	CCQ2012P		1	Tru	5.3	5	5.1	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	2120120519	LÊ HUỖNH QUỐC VIỆT	04/10/2002	CCQ2012O		1	Viet	7.7	2.5	4.6	▼ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9